

THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRƯỚC GIAI ĐOẠN TỰ NGUYỆN ÁP DỤNG IFRS VÀ MỘT SỐ HÀM Ý

Lê Việt¹

TÓM TẮT

Trước bối cảnh kinh tế toàn cầu ngày càng hội nhập sâu và rộng, việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS để lập và trình bày báo cáo tài chính là điều hết sức cần thiết nhằm tăng thêm tính so sánh của thông tin tài chính, từ đó việc ra quyết định của người sử dụng báo cáo tài chính được tốt hơn. Tuy nhiên, thực tiễn trên thế giới cho thấy việc áp dụng IFRS cũng đối mặt với rất nhiều khó khăn vì sự khác biệt hệ thống kế toán giữa các quốc gia, hoặc khác biệt về văn hóa, môi trường pháp lý, điều kiện phát triển của các nước. Việc áp dụng IFRS tự nguyện trong giai đoạn 2022-2025 mà Bộ Tài chính vạch ra để khuyến khích áp dụng cũng là một thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp trong nước. Chính vì vậy, bài viết này đề cập các yếu tố tác động đến việc tự nguyện áp dụng IFRS và thực trạng áp dụng tại Việt Nam trong thời gian qua, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm áp dụng IFRS tự nguyện một cách hiệu quả tại Việt Nam trong giai đoạn sắp tới.

Từ khóa: Doanh nghiệp Việt Nam, nhân tố tác động, tự nguyện áp dụng IFRS

1. Tổng quan về IFRS

IFRS ra đời xuất phát từ sự hình thành của IASB - Hội đồng Chuẩn mực kế toán quốc tế vào năm 2001 nhằm thay thế cho IASC - Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế - tổ chức ban hành các IAS trước đây. Hệ thống chuẩn mực này đã có rất nhiều lần cập nhật, thay đổi từ khi chính thức ban hành lần đầu tiên cho đến nay, qua đó ngày càng đáp ứng tốt hơn những yêu cầu thay đổi liên tục của thông tin kế toán.

Tính đến nay, ngoài Khuôn mẫu lý thuyết mới, có 41 chuẩn mực đang có hiệu lực, bao gồm 25 IAS vẫn còn áp dụng và 16 IFRS đang có hiệu lực. Trong đó, mới nhất là IFRS 4 vừa được thay thế bởi IFRS 17 – hợp đồng bảo hiểm từ ngày 1/1/2021. Thuật ngữ IFRS là cách gọi chung mà IFRS Foundation sử dụng bao gồm cả IFRS và IAS cũ còn hiệu lực. Bên cạnh đó, cần phải kể đến các hướng dẫn của Ủy ban hướng dẫn chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRIC, đây là

một bộ phận của IFRS nhằm mục đích hướng dẫn chi tiết các IFRS cho những trường hợp cụ thể. Tính đến hiện tại, có 20 IFRIC mới đang được áp dụng cùng với 8 SIC cũ (tiền thân của IFRIC) vẫn còn hiệu lực.

Theo thống kê của IFRS Foundation (2018) [1], hơn một phần ba trong số các giao dịch tài chính là giao dịch xuyên biên giới, tức là giữa các nước với nhau. Với mục tiêu cốt lõi của IFRS là giúp các doanh nghiệp trên toàn cầu áp dụng một chuẩn chung chấp nhận được khi lập báo cáo tài chính. IFRS góp phần tăng tính minh bạch và tính so sánh của thông tin, do đó thực hiện quyết định đầu tư được tốt hơn. IFRS Foundation (2018) đưa ra ba lợi ích đối với doanh nghiệp và người sử dụng thông tin trong báo cáo tài chính do IFRS mang lại bao gồm: (i) tăng cường sự minh bạch, (ii) nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp, và (iii) nâng cao hiệu quả kinh tế.

¹Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
Email: vietle@ueh.edu.vn

2. Các nhân tố tác động đến việc tự nguyện áp dụng IFRS

Có rất nhiều nghiên cứu trên thế giới về các chủ đề xoay quanh IFRS, bao gồm cả về tự nguyện áp dụng IFRS cũng như bắt buộc áp dụng IFRS. Điểm chung của các nghiên cứu về IFRS ở nước ngoài là hầu hết đều được thực hiện sau khi quốc gia đó đã chính thức áp dụng IFRS. Đây là điểm khác biệt rất lớn đối với Việt Nam do hiện tại các công trình tại Việt Nam đều được thực hiện trước thời điểm áp dụng IFRS hoặc chỉ nghiên cứu trên số ít doanh nghiệp có tự nguyện áp dụng. Ngoài ra, khi nghiên cứu về việc tự nguyện áp dụng IFRS ở nước ngoài, tất cả các nghiên cứu ở nước ngoài đều sử dụng dữ liệu thứ cấp, tức là dùng số liệu trên báo cáo tài chính để xác định các yếu tố tác động. Chẳng hạn, nghiên cứu của Gassen và Sellhorn (2006) [2] về việc tự nguyện áp dụng IFRS tại Đức dựa trên số liệu của các công ty niêm yết tại Đức trong giai đoạn 1998-2004 đã đưa ra các nhân tố tác động đến việc áp dụng IFRS tự nguyện bao gồm: quy mô công ty, mức độ quốc tế hóa, thành phần sở hữu, và mới phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Hoặc nghiên cứu của Şenyigit (2014) [3] tại Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn tự nguyện áp dụng 2003-2004 (ngay trước thời điểm châu Âu bắt buộc áp dụng IFRS) của tổng số 206 doanh nghiệp trên sàn Bors Istanbul (bao gồm 61 công ty có áp dụng và 145 chưa áp dụng, tổng cộng hai nhóm này chiếm 72% số công ty niêm yết). Kết quả: các nhân tố tác động đến tính tự nguyện trong việc áp dụng IFRS là quy mô, hoạt động xuất khẩu và công ty kiểm toán. Tác giả lưu ý rằng các tổ chức tài chính

có sự khác biệt cơ bản so với nhóm còn lại nên không đưa vào nghiên cứu.

Một trường hợp khác là nghiên cứu khác của André và cộng sự (2012) [4] về tình hình áp dụng IFRS tự nguyện tại các doanh nghiệp niêm yết ở Vương quốc Anh. Đây là nghiên cứu được thực hiện dưới sự tài trợ của ESSEC-KPMG Financial Reporting Centre, một trung tâm chuyên nghiên cứu về báo cáo tài chính theo IFRS (nghiên cứu này dù chỉ có trong hệ thống SSRN chứ không thông qua một tạp chí nào cụ thể, tuy nhiên những công trình nghiên cứu đều được thực hiện rất bài bản). Nghiên cứu đã thu thập số liệu thứ cấp của 8.397 công ty, trong đó có 267 công ty áp dụng IFRS (tỷ lệ 3%) và 8.130 công ty không áp dụng IFRS (97%) tại Vương quốc Anh. Tỷ lệ áp dụng này cũng cho thấy việc áp dụng IFRS một cách tự nguyện là rất ít. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 4 nhân tố quan trọng tác động đến việc tự nguyện áp dụng IFRS bao gồm: mức độ quốc tế hóa, đòn bẩy tài chính, quy mô, danh tiếng của kiểm toán viên và 6 nhân tố không đóng vai trò quyết định. Trong đó đặc biệt là các công ty mới vừa sáp nhập lại càng có xu hướng áp dụng IFRS.

Nghiên cứu của Bessieux-Ollier và Walliser (2012) [5] về việc tự nguyện áp dụng của 85 công ty tại Pháp đang niêm yết trên thị trường Alternext (là thị trường dành cho các công ty vừa và nhỏ) trong năm 2010, bao gồm 32 công ty có áp dụng IFRS (IFRS toàn phần chứ không phải IFRS cho công ty nhỏ và vừa) và 53 công ty sử dụng chuẩn mực nội địa. Tác giả đã thu thập dữ liệu thứ cấp trong báo cáo thường niên của các công ty này, nhằm kiểm định các nhân tố

sau đây: đòn bẩy tài chính (dựa vào Lý thuyết đại diện Agency Theory của Jensen và Meckling, 1976); quy mô doanh nghiệp (dựa vào lý thuyết chi phí chính trị); mức độ quốc tế hóa (có xuất khẩu hoặc niêm yết quốc tế); lợi nhuận; ngành nghề; danh tiếng của công ty kiểm toán (có thuộc nhóm Big 4 hay không); chủ sở hữu (càng ít chủ sở hữu càng ít tự nguyện áp dụng); và cuối cùng là giá trị tài sản cố định. Kết quả: quy mô (dựa trên tài sản) và giá trị tài sản cố định cao sẽ tác động đến áp dụng tự nguyện. Đặc biệt, nhóm tác giả nhấn mạnh, nếu không có sự ép buộc từ cơ quan quản lý thì các công ty trên sàn Alternext vẫn sẽ tiếp tục áp dụng chuẩn mực nội địa.

Qua các nghiên cứu kể trên, có thể thấy các nhân tố rất quan trọng thúc đẩy việc tự nguyện áp dụng IFRS gồm có: quy mô doanh nghiệp (doanh nghiệp càng lớn càng có xu hướng áp dụng tự nguyện), mức độ quốc tế hóa của doanh nghiệp (mức độ muốn thu hút nhà đầu tư nước ngoài và mở rộng thị trường ra nước ngoài) và danh tiếng của kiểm toán viên (công ty kiểm toán càng danh tiếng thì doanh nghiệp càng có xu hướng tự nguyện áp dụng IFRS).

Trong thời gian qua, ngày càng xuất hiện nhiều các nghiên cứu của Việt Nam về việc áp dụng IFRS. Hà Xuân Thạch và Nguyễn Ngọc Hiệp (2018) [6] sử dụng dữ liệu sơ cấp khi nghiên cứu về các nhân tố tác động đến việc chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS đã cho thấy: Hội nhập kinh tế (thu hút vốn nước ngoài) là nhân tố tác động mạnh nhất, tiếp theo đó là trình độ của kế toán viên, trong khi 3 nhân tố còn lại là hệ thống pháp lý, môi trường văn hóa (tâm lý ngại thay đổi), sự hỗ trợ từ người đứng

đầu của doanh nghiệp tác động không đáng kể. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Cúc và Nguyễn Lê Vân Khanh (2018) [7] thu thập và xử lý 198 mẫu đã đưa ra các nhân tố: cơ cấu vốn đầu tư, ngành nghề và quy mô có tác động đến việc áp dụng IFRS tự nguyện tại Việt Nam; riêng công ty có quy mô lớn còn ảnh hưởng bởi hình thức sở hữu. Hoặc nghiên cứu của Thi Cam Thanh Tran và cộng sự (2019) [8] về tác nhân tác động đến áp dụng IFRS tại Việt Nam, đã sử dụng dữ liệu thu thập từ 154 báo cáo tài chính được kiểm toán trong năm 2018 của các doanh nghiệp niêm yết. Kết quả xử lý bằng SPSS đưa ra 3 nhân tố tác động tích cực đến việc áp dụng IFRS, theo mức độ cao xuống thấp là kiểm toán Big4, ROE và quy mô; hai nhân tố còn lại trong mô hình là tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu và yếu tố niêm yết quốc tế đều không tác động.

3. Tình hình áp dụng IFRS tự nguyện tại các doanh nghiệp Việt Nam

So với số lượng 46 chuẩn mực quốc tế IFRS và so với nhu cầu ngày càng tăng cũng như sự đa dạng, phức tạp ngày càng lớn trong các giao dịch tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các tập đoàn lớn và các tổ chức tài chính, có thể thấy rằng, VAS hiện tại không thể đáp ứng được. Cụ thể, Việt Nam vẫn chưa có chuẩn mực quy định về việc đánh giá lại các khoản mục trên bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp lý, chưa có các chuẩn mực cụ thể về các công cụ tài chính, hay chưa có các chuẩn mực đặc thù như chuẩn mực về nông nghiệp, mặc dù trong thời gian qua một số doanh nghiệp lớn tại Việt Nam cũng đã tham gia vào mảng nông nghiệp này. Cụ thể như trường hợp của Công ty Thành Thành Công - Biên

Hòa - ngành mía đường, hay Công ty cổ phần Nông nghiệp quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - ngành sản xuất nông nghiệp, trồng trọt. Đây là hạn chế lớn đối với các tập đoàn trước nhu cầu hội nhập ngày càng sâu rộng với quốc tế.

Trên thực tế, các đơn vị tiên phong trong việc áp dụng IFRS tại Việt Nam cho tới thời điểm này là các ngân hàng và các tập đoàn có quy mô hàng đầu trong nước, vì họ không chỉ thu hút nhà đầu tư nội mà còn có được sự quan tâm rất lớn từ các nhà đầu tư nước ngoài. Việc lập báo cáo tài chính theo IFRS để thu hút vốn ngoại là điều tất yếu. Đối với các doanh nghiệp đại trà, việc áp dụng IFRS (không tính các doanh nghiệp FDI hoặc liên doanh vì IFRS là bắt buộc để lập báo cáo tập đoàn) chỉ mang tính tự phát chứ chưa có hướng dẫn từ cơ quan quản lý.

Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu hội nhập, mặc dù gây tốn kém không ít công sức và tiền bạc nhưng cũng đã có một số doanh nghiệp lớn đang niêm yết chủ động đi đầu trong việc áp dụng lập báo cáo tài chính theo IFRS. Điều này cũng tương đồng với các nghiên cứu trên thế giới cũng như tại Việt Nam đã chỉ ra các nhân tố thúc đẩy việc áp dụng IFRS tự nguyện tại các doanh nghiệp, trong đó nổi bật nhất là các nhân tố quy mô, mong muốn thu hút vốn ngoại, hay danh tiếng của công ty kiểm toán.

Theo một công bố quốc tế của Nguyen Ngoc Hiep (2017) [9], tính đến thời điểm 2016 đã có 17 doanh nghiệp Việt Nam đã lập báo cáo tài chính theo IFRS. Mục tiêu của việc này là để tăng tính minh bạch cho thông tin trên báo cáo tài chính, cũng như cải thiện hiệu quả và chất lượng quản lý của công ty, một số

trường hợp là để có thể niêm yết trên sàn quốc tế, chẳng hạn Vingroup niêm yết trái phiếu chuyển đổi trên sàn giao dịch chứng khoán Singapore. Thông qua quá trình làm việc với các lãnh đạo doanh nghiệp, tác giả Nguyen Ngoc Hiep thống kê được danh mục công ty đã chuyển đổi từ VAS sang IFRS và thời điểm bắt đầu thực hiện gồm có: Công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (2000), Vietcombank (2008), Ngân hàng TMCP Đông Á (2008), Tập đoàn Bảo Việt (2009), Tập đoàn Vingroup (2009), BIDV (2009), Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HSC (2010), Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo - ITACO (2011), Công ty cho thuê tài chính thuộc ngân hàng Sacombank (2012), Ngân hàng Eximbank (2012), Ngân hàng TMCP Nam Á (2012), Sacombank (2013), SHB (2014), VPBank (2014), Vietnam Oman Investment (2016), Công ty cổ phần Điện Gia Lai (2016), HDBank (2016). Trong số này có 10 ngân hàng và công ty cho thuê tài chính. Mới đây nhất, số liệu thống kê từ kết quả khảo sát do Bộ Tài chính công bố trong báo cáo đánh giá tác động của IFRS vào Việt Nam (đính kèm với Quyết định 345/QĐ-BTC) [10] cho thấy, trong tổng số doanh nghiệp niêm yết trên hai sàn chứng khoán và UpCOM đã vận dụng IFRS cũng không tăng lên đáng kể, cụ thể là chỉ chiếm 2,7%, tức là chỉ có khoảng 40 doanh nghiệp, trong khi đó 71,8% doanh nghiệp chưa có sự chuẩn bị gì về nhân sự lẫn kinh phí áp dụng IFRS.

Trong những năm gần đây, một vài doanh nghiệp vốn hóa lớn như Vinamilk hay Novaland cũng đã công bố báo cáo tài chính lập theo IFRS qua các kênh

thông tin công khai, cụ thể là Vinamilk đã cung cấp thông tin về báo cáo tài chính lập theo IFRS trong báo cáo thường niên từ năm 2017, trong khi đó Novaland trong báo cáo thường niên 2017 cũng cho thấy họ lập báo cáo tài chính theo IFRS trong cùng năm. Đối với các doanh nghiệp khác, công bố báo cáo tài chính về IFRS hầu như không thể tìm thấy trên website của họ, mặc dù trong một số báo cáo tài chính có đề cập việc áp dụng một vài IFRS riêng lẻ (chẳng hạn, Vietjet Air về giao dịch bán và thuê lại dựa vào IFRS 16).

Để phù hợp với xu hướng đang diễn ra tại các doanh nghiệp lớn kể trên, sắp tới đây, trong lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam, giai đoạn sắp tới, tức là từ năm 2022 đến 2025, Bộ Tài chính sẽ lựa chọn một số doanh nghiệp lớn để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS, cụ thể là một số công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước, công ty niêm yết, hay công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết.

4. Một số hàm ý nhằm tăng hiệu quả áp dụng IFRS tự nguyện tại Việt Nam

Thực trạng tự nguyện áp dụng IFRS trong những năm vừa qua cho thấy việc áp dụng IFRS tại Việt Nam hiện nay là một thách thức không nhỏ, đặc biệt là với những doanh nghiệp chưa có sự chuẩn bị cụ thể. Nguyen Ngoc Hiep (2017) thông qua quá trình trao đổi trực tiếp với các cấp quản lý của doanh nghiệp và các Big 4 kiểm toán, những người trực tiếp quản lý/Thực hiện công việc chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS, tác giả đưa ra những khó khăn như: có quá nhiều khác biệt giữa VAS và IFRS; kế toán viên thiếu sự hiểu biết về IFRS; báo cáo tài chính theo VAS không có hai thành

phần mà IFRS yêu cầu: báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo thu nhập toàn diện; chi phí chuyển đổi quá cao, bao gồm chi phí triển khai hệ thống thông tin, chi phí tuyển dụng nhân viên (có trình độ), chi phí tập huấn.

Trong bối cảnh kinh tế chưa phát triển đồng đều cũng như việc hệ thống giáo dục chưa đồng bộ tại các vùng miền trong cả nước, việc triển khai hệ thống kế toán đơn giản là phù hợp hơn cả, tuy nhiên, đó cũng là một rào cản rất lớn trên con đường hội nhập với kế toán quốc tế. Hiện nay, 98% số lượng doanh nghiệp tại Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ, cũng như trong số các doanh nghiệp lớn niêm yết, thì ngay cả VAS họ cũng không tuân thủ một cách đầy đủ và việc công bố thông tin cũng rất hạn chế. Bên cạnh đó, công việc kế toán tại nhiều doanh nghiệp chỉ vẫn ở mức cơ bản do đặc thù hoạt động, việc áp dụng những thay đổi về kế toán sẽ gây ảnh hưởng đến thời gian và tốn kém chi phí của doanh nghiệp. Chẳng hạn, việc ghi nhận doanh thu theo Thông tư 200 theo xu hướng quốc tế có tác động rất lớn đến hệ thống kế toán của doanh nghiệp vì phải mất rất nhiều công sức để theo dõi trong các trường hợp khách hàng truyền thống hay ghi nhận các trường hợp khuyến mãi có điều kiện.

Chính vì vậy, để áp dụng thành công IFRS, về phía các cơ quan quản lý nhà nước bên cạnh việc định hướng và đưa ra lộ trình áp dụng như trong Quyết định 345/QĐ-BTC, cũng cần phải lưu ý một số vấn đề sau:

Một là cần có thống nhất trong chính sách quản lý về kế toán và sự đồng bộ với chính sách thuế là yêu cầu được đặt ra. Thật vậy, khả năng áp dụng IFRS

thành công không những phụ thuộc vào doanh nghiệp mà còn bị chi phối bởi các yếu tố bên ngoài. Cụ thể là tại Việt Nam, công tác kế toán chịu sự tác động của chuẩn mực kế toán, chính sách thuế và cơ chế tài chính dẫn đến sự chông chéo, không nhất quán trong cách thức tiếp cận, áp dụng các chính sách dẫn tới nhiều khó khăn cho doanh nghiệp và cho chính cơ quan quản lý Nhà nước do cơ chế kiểm tra, giám sát tính tuân thủ cũng chưa tốt, khiến cho tính minh bạch, tính so sánh của báo cáo tài chính trong nước không cao.

Hai là những văn bản hướng dẫn cần phải đầy đủ, chi tiết và kịp thời. Đặc biệt, cần phải nghiên cứu và ban hành những thông tư hướng dẫn chi tiết các IFRS, vì rất nhiều nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy việc thiếu vắng những hướng dẫn về IFRS đã gây nên rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp khi áp dụng. Điều này được chứng minh trong nghiên cứu của Aburous (2018) và cũng được thừa nhận trong báo cáo đánh giá tác động áp dụng IFRS vào Việt Nam (đính kèm Quyết định 345/QĐ-BTC) [10] về văn hóa làm việc chỉ dựa theo hướng dẫn chi tiết tại Việt Nam có thể sẽ gây những khó khăn trong giai đoạn đầu nếu chỉ áp dụng IFRS mà thiếu vắng những hướng dẫn cụ thể.

Ba là cần có cơ chế khuyến khích và hỗ trợ phù hợp đối các doanh nghiệp, phải làm sao để họ thấy được lợi ích và hiểu được trách nhiệm trong việc áp dụng IFRS thông qua các hội thảo, tọa đàm để nhấn mạnh sự cần thiết và vai trò của IFRS trong xu thế hiện nay. Một khi có sự hiểu biết về tầm quan trọng của IFRS và những lợi ích mang lại, cùng với niềm tin về sự đồng hành của các cơ quan quản lý nhà nước, việc

doanh nghiệp tự nguyện áp dụng IFRS ngày càng nhiều sẽ không phải là điều quá khó khăn.

Về phía doanh nghiệp, cũng cần phải đẩy nhanh quá trình chuẩn bị cho việc tự nguyện áp dụng có thể diễn ra một cách chủ động, trong đó, có hai điều cần lưu ý:

Đầu tiên, quan trọng nhất vẫn là việc xây dựng đội ngũ nhân lực kế toán có trình độ là điều rất quan trọng để có thể áp dụng IFRS thành công. Một khi kiến thức về IFRS đã được cập nhật rộng rãi thì việc áp dụng IFRS sẽ không còn là những rào cản quá lớn.

Bên cạnh đó, không thể phủ nhận rằng để áp dụng IFRS cũng cần phải đầu tư ban đầu khá lớn cũng như cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban trong doanh nghiệp, bởi lẽ thông tin mà IFRS yêu cầu không chỉ liên quan đến kế toán mà còn có thông tin của những mảng rất quan trọng như kinh doanh, chính sách nhân sự. Tất cả đều cần có sự thay đổi để đồng bộ với nhau, đáp ứng yêu cầu về thông tin khi áp dụng IFRS. Tuy nhiên, một khi đã áp dụng IFRS thành công sẽ góp phần làm giảm đáng kể khoản chi phí liên quan đến việc chuyển đổi báo cáo tài chính nội địa sang quốc tế.

5. Kết luận

IFRS không chỉ giúp làm tăng tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp mà còn cung cấp thêm nhiều thông tin hữu ích cho người sử dụng. Mặc dù còn nhiều khó khăn phải đối mặt nhưng trước xu thế rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã bước đầu chuyển đổi sang việc trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, cùng những nỗ lực của Bộ Tài chính trong việc ban hành những chuẩn mực kế toán

dự thảo sẽ dự kiến áp dụng trong thời gian tới, việc chính thức áp dụng IFRS trong các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp niêm yết chỉ còn là vấn đề thời gian.

Để làm được việc này, Bộ Tài chính có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc nghiên cứu, soạn thảo, ban hành các chuẩn mực phù hợp với quốc tế nhưng phải từng bước theo lộ trình để phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đặc biệt trong giai đoạn này cần đẩy mạnh khuyến khích, hỗ trợ áp dụng tự nguyện IFRS, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có

quy mô lớn và có đủ khả năng tài chính để đi tiên phong trong việc áp dụng. Phải tích cực tuyên truyền, định hướng để giúp các doanh nghiệp thấy được rằng việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn chung của quốc tế sẽ thu hẹp khoảng cách chất lượng báo cáo tài chính của Việt Nam và các quốc gia trên toàn cầu, qua đó góp phần hạn chế những rào cản trong quá trình đầu tư vào Việt Nam của các nhà đầu tư nước ngoài cũng như việc đầu tư ra thị trường quốc tế của các doanh nghiệp trong nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aburous, D. (2018), “IFRS and institutional work in the accounting domain”, *Critical Perspectives on Accounting*, 62(C), pp. 1-15
2. Gassen, J. & T. Sellhorn (2006), “Applying IFRS in Germany: Determinants and consequences”, *Betriebswirtschaftliche Forschung und Praxis*, 58 (4), pp. 365-386
3. Şenyiğit (2014), “Determinants of voluntary IFRS adoption in an emerging market: Evidence from Turkey”, *Accounting and Management Information Systems*, 13 (3), pp. 449-465
4. André, P., Walton, P., Dan, Y. (2012), “Voluntary adoption of IFRS: A study of determinants for UK unlisted firms”, *Comptabilités et Innovation*, May 2012, Grenoble, France
5. Bessieux-Ollier, C. & Walliser, E. (2012), “Why firms listed on an unregulated financial market comply voluntarily with IFRS: An empirical analysis with French data”, *Comptabilités et innovation*, May 2012, Grenoble, France
6. Hà Xuân Thạch & Nguyễn Ngọc Hiệp (2018), “Những nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi báo cáo tài chính từ chuẩn mực kế toán Việt Nam sang chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, số 102, tr. 76-95
7. Nguyễn Thị Kim Cúc & Nguyễn Lê Vân Khanh (2018), “Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình tự nguyện áp dụng IFRS tại các doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Công thương*, số 13, tr. 412-418
8. Thi Cam Thanh Tran, Xuan Thach Ha, Tran Hanh Phuong Le & Ngoc Tien Nguyen (2019), “Factors affecting IFRS adoption in listed companies: Evidence from Vietnam”, *Management Science*, 9, pp. 2169–2180
9. Nguyen Ngoc Hiep (2017), “The Factors Impact on Conversion of Financial Statements from Vietnam’s Accounting Standard (VAS) Into International Financing Reporting Standard (IFRS) – Experimental Research for Vietnamese Companies”. *International Journal of Science and Research (IJSR)*, 6 (8), pp. 396-406

10. Bộ Tài chính (2020), “Quyết định 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 về Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam”, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/1/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM174021 (truy cập ngày 31/12/2021)

SITUATION OF VIETNAM ENTERPRISES BEFORE THE VOLUNTARY STAGE OF IFRS APPLICATION AND SOME IMPLICATIONS

ABSTRACT

In the context of global economic integration increasingly deeply and widely, the application of International Financial Reporting Standards (IFRS) to the preparation and presentation of financial statements is essential to increase the comparability of the financial information, thereby leading to better decision-making by users of financial statements. However, practice in the world shows that the application of IFRS also faces many difficulties because of differences in accounting systems between countries, or differences in culture, legal system, or development of countries. The voluntary application of IFRS in the period 2022-2025 outlined by the Ministry of Finance of Vietnam to encourage its application is also a significant challenge for domestic enterprises. Therefore, this article discusses the factors affecting the voluntary application of IFRS and the current status of application in Vietnam in recent years, and thereby proposes some governance implications for applying IFRS effectively in Vietnam in the coming period.

Keywords: Vietnamese enterprises, influencing factors, voluntary application of IFRS

(Received: 15/6/2022, Revised: 25/6/2022, Accepted for publication: 31/8/2022)